

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-PT

Ngày 26-01-2018

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
quyền sử dụng đối tượng sở hữu
công nghiệp; tuyên hủy thư bảo lãnh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Quảng

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Ngô Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2017/TLPT- KDTM ngày 20/11/2017 về *Tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; tuyên hủy thư bảo lãnh*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM- ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2018/QĐ-PT ngày 02/01/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐ- PT ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại du lịch P.

Địa chỉ: Số 323 đường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đàm Đức H, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Xuân C - sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 77 đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền số 1809/UQ.17 ngày 18/9/2017). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Khánh L, Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn L thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty trách nhiệm hữu hạn V.**

Địa chỉ: Số 121 đường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Hoạt Đ, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc O - Sinh năm: 1966.

Địa chỉ: 561/23/42 đường X, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 19/5/2017). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Đàm Thận C**

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

+ **Ngân hàng Thương mại cổ phần A**

Địa chỉ: Số 442 đường K, Phường H, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Đà Nẵng: Số 218 đường Đ, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Đức T** - chức vụ: Nhân viên (Văn bản ủy quyền số 44/UQ-DAN.17 ngày 26/5/2017). Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ **Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và dịch vụ T**

Địa chỉ: Z72- Z77 đường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đàm Thận C - Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại du lịch P, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại du lịch P (sau đây gọi tắt là Công ty P) và Công ty trách nhiệm hữu hạn V (sau đây gọi tắt là Công ty V) ký kết Hợp đồng thuê thương hiệu và vật dụng quán bar số 10/HĐKT/2016 ngày 28/3/2016. Theo Hợp đồng, Công ty P thuê Công ty V tài sản là quyền sử dụng nhãn hiệu “SSL” và vật dụng quán Bar theo danh mục tài sản đính kèm; hình thức sử dụng: độc quyền; thời hạn thuê là 03 năm kể từ ngày 01/4/2016 đến ngày 01/5/2019 với giá thuê 3.375.000.000 đồng (tương đương 150.000 USD); thanh toán theo từng năm với số tiền 1.125.000.000 đồng (tương đương 50.000 USD) bằng hình thức chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Thái Hoạt Đ tại Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, ông Đ chịu trách nhiệm chuyển cho Công ty V.

Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng số 10/HĐKT/2016, Công ty P có đề nghị và được Ngân hàng Thương mại cổ phần A - Chi nhánh Đà Nẵng phát hành Thư bảo lãnh thanh toán số BLTT.DAN.7055.280316 ngày 28/3/2016. Tài sản bảo

đảm để Ngân hàng phát hành thư bảo lãnh là Sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Bắc Ninh đứng tên ông C.

Đồng thời, để có mặt bằng kinh doanh quán bar, trước đó ngày 25/3/2016, Công ty P ký kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ T (sau đây gọi tắt là Công ty T) Hợp đồng thuê mặt bằng số 2503/HĐMB-2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P không thanh toán được tiền thuê mặt bằng cho Công ty T các tháng 9/2016, 10/2016 và 11/2016 với tổng số tiền là 90.000.000 đồng, nên ngày 01/12/2016 Công ty T gửi Thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê mặt bằng số 2503/HĐMB-2016 kể từ ngày 31/12/2016 và yêu cầu Công ty P bàn giao mặt bằng đang sử dụng kinh doanh quán bar SSL cho Công ty T. Do đó, Công ty P đã nhiều lần gửi văn bản đến Công ty V đề nghị thay đổi nội dung Hợp đồng 10/HĐKT/2016 ngày 28/3/2016, cụ thể số tiền thuê trong 3 năm đề nghị sửa đổi còn 2.250.000.000 đồng và chia làm 2 đợt thanh toán cho phù hợp với khả năng của Công ty P nhưng không được Công ty V chấp nhận.

Công ty P cho rằng việc Công ty T đơn phương chấm dứt Hợp đồng thuê mặt bằng số 2503/HĐMB-2016 làm hoàn cảnh thay đổi cơ bản và Công ty P mất khả năng tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 10/HĐKT/2016 với Công ty V theo quy định tại Điều 420 Bộ luật Dân sự 2015. Ngoài ra, điều khoản thanh toán trong Hợp đồng thuê thương hiệu các bên thỏa thuận chuyển qua tài khoản cá nhân của ông Thái Hoạt Đ là vi phạm pháp luật, có dấu hiệu trốn thuế nên vô hiệu; và hiện nay có đơn vị khác sử dụng nhãn hiệu SSL tại Đà Nẵng, điều đó cho thấy Công ty V đã không đảm bảo quyền sử dụng trọn vẹn thương hiệu này tại Đà Nẵng cho Công ty P như thỏa thuận trong hợp đồng.

Từ những lý do trên, Công ty P yêu cầu Tòa án tuyên chấm dứt hợp đồng thuê thương hiệu và vật dụng quán bar số 10/HĐKT/2016 ngày 28/3/2016 giữa Công ty P và Công ty V kể từ ngày 01/5/2017 và tuyên hủy Thư bảo lãnh thanh toán số BLTT.DAN.7055.280316 ngày 28/3/2016 do Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đà Nẵng phát hành.

Ngày 23/5/2017, Công ty P có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, được Tòa án nhân dân quận Sơn Trà chấp nhận ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-ADBPKCTT ngày 23/5/2017 cấm Ngân hàng Thương mại cổ phần A – chi nhánh Đà Nẵng thực hiện việc thanh toán cho Công ty V theo Thư bảo lãnh thanh toán số BLTT.DAN.7055.280316 ngày 28/3/2016 cho đến khi có quyết định của Tòa án về việc giải quyết tranh chấp giữa Công ty P và Công ty V.

Công ty V cho rằng Hợp đồng thuê thương hiệu và vật dụng quán bar số 10/HĐKT/2016 ngày 28/3/2016 là thỏa thuận của các bên, không bị ép buộc nên Công ty P phải có trách nhiệm thực hiện đúng hợp đồng. Công ty P dựa vào lý do đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê mặt bằng của Công ty T và cho đó

là hoàn cảnh thay đổi cơ bản là không đúng với quy định của Điều 420 Bộ luật Dân sự 2015 do không thuộc trường hợp bất khả kháng hay trở ngại khách quan, vì thời điểm Công ty T đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng với Công ty P thì người đại diện theo pháp luật của hai Công ty đều là ông C. Đối với thư bảo lãnh là ý chí của Công ty P nhằm đảm bảo tài chính thực hiện hợp đồng đã ký nên Công ty V đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty P và tuyên hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2017.

Ngân hàng TMCP A và Công ty T đều có ý kiến không có liên quan đến tranh chấp giữa Công ty P và Công ty V, đồng thời đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu tuyên hủy thư bảo lãnh thanh toán thì Ngân hàng TMCP A có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật và Ngân hàng sẽ chấp hành phán quyết của Tòa án.

Với nội dung trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 269, 270, 271 Luật Thương mại; Điều 424 Bộ luật Dân sự năm 2005

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Thương mại du lịch P về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê thương hiệu và vật dụng quán bar số 10/HĐKT/2016 giữa Công ty TNHH MTV Thương mại du lịch P và Công ty TNHH V kể từ ngày 01/5/2017 và Tuyên hủy thư bảo lãnh thanh toán số BLTT.DAN.7055.280316 ngày 28/3/2016 về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thuê thương hiệu và vật dụng quán bar số 10/HĐKT/2016 giữa Công ty P và Công ty V do Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đà Nẵng phát hành nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Công ty P đối với Công ty V.

2. Tuyên hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-ADBPCKTT của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà ngày 23/5/2017.

3. Về án phí:

Công ty P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 77.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 35.250.000 đồng theo biên lai thu số 0001713 ngày 31/5/2017 và biên lai số 009016 ngày 28/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, còn phải nộp thêm án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 41.750.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2017, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại du lịch P kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 vì Tòa án cấp sơ thẩm đã có những sai lầm, thiếu sót sau:

1. Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

2. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết là hoàn toàn sai lầm về luật áp dụng.

3. Việc hai Công ty thỏa thuận thanh toán chuyển qua tài khoản cá nhân ông Thái Hoạt Đ trong Hợp đồng số 10/HĐKT/2016 là nhằm mục đích trốn thuế, trái với quy định tại Điều 15 của Thông tư số 219/2013/BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, nên thỏa thuận này vi phạm điều cấm của luật. Do đó, căn cứ các điều 122,128,129 Bộ luật Dân sự 2005 thì Hợp đồng thuê thương hiệu và vật dụng quán bar số 10/HĐKT/2016 bị vô hiệu.

4. Yêu cầu tuyên buộc chấm dứt hợp đồng thuê thương hiệu và vật dụng quán bar số 10/HĐKT/2016 kể ngày 01/5/2017 vì quá trình hoạt động khó khăn, doanh thu không đủ chi phí; chi phí trả cho Công ty V cao hơn doanh thu khiến Công ty P mất khả năng thanh toán tiền thuê mặt bằng cho Công ty T và phải tạm ngừng kinh doanh từ ngày 15/7/2016 đến ngày 14/7/2017. Với những thay đổi trên Công ty P đã rơi vào tình thế không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh, phù hợp với quy định tại Điều 420 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê và tuyên hủy thư bảo lãnh là vụ án dân sự không có giá ngạch, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí có giá ngạch là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn kháng cáo, đại diện của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị bác đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đương sự tham gia tố tụng nhưng đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và dịch vụ T, cũng như ông C (Bản án sơ thẩm xác định ông Đàm Thuận C là không đúng) vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại Điều 5 “Hợp đồng thuê thương hiệu và vật dụng quán bar” số 10/HĐKT/2016 ngày 28/3/2016 các bên đương sự thỏa thuận: *“Nếu không thỏa thuận được, việc tranh chấp sẽ được các bên đồng ý đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân nơi thực hiện hợp đồng”*. Nguyên đơn xác định nơi thực hiện hợp đồng là tại quận Sơn Trà nên ngày 28/4/2017 nộp đơn khởi kiện, được Tòa án nhân dân quận Sơn Trà căn cứ điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý vụ án, bị đơn thống nhất về thẩm quyền giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[2.1] Tranh chấp giữa Công ty P và Công ty V phát sinh từ “Hợp đồng thuê thương hiệu và vật dụng quán bar” số 10/HĐKT/2016 ngày 28/3/2016, theo đó Công ty P được sử dụng nhãn hiệu “SSL” và vật dụng quán Bar theo danh mục tài sản đính kèm. Nhãn hiệu “SSL” là đối tượng sở hữu công nghiệp được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 63021, Công ty V nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu theo Quyết định số 1227/QĐ- SHTT ngày 22/3/2016. Do đó, “Hợp đồng thuê thương hiệu và vật dụng quán bar” về bản chất là hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp được quy định tại Điều 141 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP ngày 03/4/2008 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân xác định tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (*điểm m khoản 3 mục I phần A Thông tư*) là tranh chấp về sở hữu trí tuệ. Như vậy tranh chấp phát sinh giữa Công ty P và Công ty V về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp là tranh chấp kinh doanh thương mại về sở hữu trí tuệ được quy định tại khoản 2 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp nói trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi thực hiện hợp đồng theo điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Do vậy Tòa án nhân dân quận Sơn Trà thụ lý giải quyết là không đúng thẩm quyền.

[3] Phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định

pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Ông Thái Hoạt Đ là người được hai Công ty thỏa thuận chuyển tiền thực hiện Hợp đồng số 10/HĐKT/2016 vào tài khoản cá nhân nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông Thái Hoạt Đ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót.

Về nội dung: Do tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án không đúng thẩm quyền nên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét thấy việc thụ lý giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2017. Tại Bản án số 06/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên.

Do Bản án sơ thẩm bị hủy nên việc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà sẽ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét các nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Đương sự kháng cáo được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 40 và khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 141 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

3. Hoàn trả Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại du lịch P số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001997 ngày 18/10/2017 (300.000 đồng) và biên lai số 008299 ngày 10/11/2017 (1.700.000 đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Quảng